TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21 /2017/HNGĐ - PT.
Ngày: 28 - 8 - 2017
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Tuấn;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Việt Tiến;
Bà Phùng Thị Ái Nguyên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Như Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2017/TLPT- HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2017 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 18/2017/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Z bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 12/2017/QĐXXPT - HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Sinh T - Sinh năm 1960.

Địa chỉ: Khu 6, xã X, huyện Y, tỉnh Phú Thọ.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H - Sinh năm 1960 .

Địa chỉ: SN 18, Ngõ 8, Phố Vàng, thị trấn Z, huyện Thanh Sơn ,tỉnh Phú Thọ.

3. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H – Bị đơn trong vụ án.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – ông Nguyễn Sinh T trình bày: Năm 1989 ông và bà Nguyễn Thị H tự nguyện kết hôn và đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Sơn Hùng(nay là thị trấn Z) huyện Z- tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng ông bà sống hòa thuận hạnh phúc được hơn 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân phát sinh mâu thuẫn theo ông T do ông bà không cùng thống nhất quan điểm trong làm ăn xây dựng kinh tế, nuôi dạy con cái nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng mà cả hai ông bà không thể khắc phục được. Từ tháng 3/2014, do không thể chịu đựng được cuộc sống chung với bà H, ông T phải về quê, xã Hương Nha- huyện Y- tỉnh Phú Thọ ở. Vợ chồng ông cũng chính thức ly thân từ đó đến nay không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn ông T làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H để ông ổn định cuộc sống tại quê hương, thờ phụng tổ tiên, Cha, Mẹ.

Về con chung:Vợ chồng ông bà có 01 con chung Nguyễn Việt Đức- sinh năm 1990 đã trưởng thành, xây dựng gia đình nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông T, bà H xác nhận quá trình chung sống vợ chồng tạo dựng được khối tài sản đã được thống kê tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/4/2016. Nay ông T và bà H đều có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản trong vụ án này.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Về thời điểm kết hôn, thời gian vợ chồng sống ly thân, quan hệ con chung, quan hệ tài sản như ông T đã trình bày là đúng. Nhưng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo bà H là do ông T có quan hệ tình cảm với chị Trần Thị Hiền- SN 1973 ở Khu 3, xã Hương Nha, huyện Y, tỉnh Phú Thọ nên ly hôn bà. Bà H không đồng ý ly hôn với ông T vì cho rằng vợ chồng bà không có mâu thuẫn gì.

Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 18/2017/HNGĐ - ST ngày 31/5/2017, Tòa án nhân dân huyện Z đã quyết định:

□p dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 244; khoản 3 Điều 218; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 8 Điều 27 – Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Sinh T.Cho ông T được ly hôn bà Nguyễn Thị H.

2. Về tài sản: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của ông Nguyễn Sinh T và bà Nguyễn Thị H. Ông T , bà H có quyền làm đơn yêu cầu chia tài sản bằng vụ án khác .

Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và các vấn đề khác.

Ngày 06/6/2017, bà Nguyên Thị H có đơn kháng cáo với nội dung: Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm xử cho ông T được ly hôn với bà. Bà đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét bác đơn ly hôn của ông T để vợ chồng được đoàn tụ vì vợ chồng bà đã chung sống 25 năm và không có mâu thuẫn gì.

Tại Tòa phúc thẩm bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết.

Trong gia đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bà H xuất trình 03 bức ảnh chụp mà bà cho rằng đó là người ông T đang có quan hệ bất chính và 01 đơn đề nghị có xác nhận của Công an xã Hương Nha việc ông T về xã sinh sống và Công an xã chưa lần nào phải giải quyết mâu thuẫn giữa bà và ông T.

Tại phiên tòa ông T không đồng ý đoàn tụ với bà H và vẫn kiên quyết xin được ly hôn vì ông Thé cho rằng vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng và không còn tình cảm với bà H.

Đại diện VKSND tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của những ng- ời tiến hành tố tụng và những ng- ời tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đại diện VKSND tỉnh Phú Thọ đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo cảu bà Nguyễn Thị H, giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 18/2017/HNGĐ - ST ngày 31/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Z.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo và lời trình bày của bà H tại phiên tòa phúc thẩm. Hội đồng xét xử nhận định: Bà H cho rằng vợ chồng bà đã chung sống 25 năm, cùng nuôi dạy con cái trưởng thành và chưa có mâu thuẫn xích mích gì. ông T xin ly hôn với bà H là do ông có quan hệ tình cảm với chị Trần Thị Hiền ở khu 3, xã Hương Nha, huyện Y.Tại Tòa phúc thẩm bà H cung cấp 03 bức ảnh chụp bà cho rằng ảnh chụp chị Hiền bế con gái của chị Hiền và ông T. Ông T phủ nhận có quan hệ tình cảm với chị Hiền và phủ nhận 03 bức ảnh bà H xuất trình. Xét thấy 03 bức ảnh chụp bà H cung cấp không xác định địa điểm chụp và người trong ảnh là ai nên không đủ căn cứ để xác định là chứng cứ để chứng minh ông T ngoại tình với chị Hiền như bà H trình bày. Hơn nữa, trên thực tế từ tháng 3/ 2014 ông T đã chuyển về quê tại Hương Nha, Y, Phú Thọ sinh sống và vợ chồng cũng sống ly thân từ đó cho đến nay. Bà H khẳng định vẫn còn yêu thương ông T và xin đoàn tụ nhưng tại phiên tòa bà H không đưa ra được biện pháp nào để cải thiện quan hệ vợ chồng, ông T vẫn kiên quyết xin ly hôn. Từ đó có đủ căn cứ để kết luận tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn xin ly hôn của ông T, xử cho ông T được ly hôn bà H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Căn cứ nhận định tai điểm **[1]** kháng cáo của bà Nguyễn Thị H không được chấp nhận. Kháng cáo không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUY□T □□NH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

□p dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 244; khoản 3 Điều 218; khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 18/2017/HNGĐ - ST ngày 31/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Z.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Sinh T.Cho ông T được ly hôn bà Nguyễn Thị H.

Về tài sản: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của ông Nguyễn Sinh T và bà Nguyễn Thị H. Ông T , bà H có quyền làm đơn yêu cầu chia tài sản bằng vụ án khác .

Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí phúc thẩm. Xác nhận bà H đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0000277 ngày 07/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Z.

Tr- ờng hợp bản án, quyết định đ- ợc thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND huyện Z;
- THADS huyện Z;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ;
- Lưu: án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đỗ Ngọc Tuấn

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Việt Tiến **Phùng Thị ái Nguyên** **Đỗ Ngọc Tuấn**